

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	4,503,224,000	4,503,224,000
I	Các khoản thu 100%	189,000,000	189,000,000
	Phí, lệ phí	12,000,000	12,000,000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	125,000,000	125,000,000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-	-
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-	-
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo	-	-
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-	-
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-	-
	Thu khác	52,000,000	52,000,000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	91,800,000	91,800,000
1	Các khoản thu phân chia	63,000,000	63,000,000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15,000,000	15,000,000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	-	-
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	8,000,000	8,000,000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	40,000,000	40,000,000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	28,800,000	28,800,000
	- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ kinh doanh	9,600,000	9,600,000
	- Thuế giá trị kinh doanh từ hộ kinh doanh	19,200,000	19,200,000
	- Thu tiền cấp quyền sử dụng đất	-	-
	- Thu điều tiết xã khoản thuế khác	-	-
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-	-
IV	Thu chuyển nguồn	-	-
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-
VII	Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương	-	-
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,222,424,000	4,222,424,000
	- Thu bổ sung cân đối	4,222,424,000	4,222,424,000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	-	-